

Biểu I

TỔNG HỢP CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Mức đầu tư, (tr.đ)		Tổng vốn (tr.đ)	Chia theo nguồn vốn (tr.đ)										ODA	DVMTR	Tín dụng	Vốn hợp pháp khác (Tổ chức, cá nhân tự đầu tư)
							Ngân sách nhà nước						Chia ra							
				Tổng	Trong đó, hỗ trợ từ NSNN		Tổng NSNN	Trong đó		Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương								
								Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					
				5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	TỔNG SỐ			13,894.000	4,572.000	13,894.000	4,572.000		4,572.000	4,572.000		4,572.000							9,322.000	
I	TỶ LỆ CHE PHỦ RỪNG	%	4.08																	
II	BẢO VỆ RỪNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN																			
1	Giảm diện tích rừng bị thiệt hại																			
	Truy quét, xử lý vi phạm	lượt	100	50.000	50.000	50.000	50.000		50.000	50.000		50.000								
	PCCCR																			
	Trực PCCCR (làm thêm giờ)	giờ	1,344	99.460	99.460	99.460	99.460		99.460	99.460		99.460								

	Tổ chức các lớp truyền truyền về PCCCR cho nhân dân vùng ven rừng Phi lao.	lớp	5	18.000	18.000	18.000	18.000		18.000	18.000		18.000							
2	Giám số vụ vi phạm các quy định của PL về BV&PTR.																		
	Tuyên truyền pháp luật về lâm nghiệp	lớp	30	108.000	108.000	108.000	108.000		108.000	108.000		108.000							
	Khoán bảo vệ rừng	ha	3,490.00	1,745.000	1,745.000	1,745.000	1,745.000		1,745.000	1,745.000		1,745.000							
3	Các hoạt động bảo vệ rừng khác																		
	Các hoạt động đặc thù khác																		
3.1	Xây dựng Đề án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	Dự án	1	700.000	700.000	700.000	700.000		700.000	700.000		700.000							

3.2	Lập dự án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Trà Vinh trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2023 - 2030	Dự án	1	344.195	344.195	344.195	344.195		344.195	344.195	344.195								
3.3	Tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng về điều tra, nhận dạng, lập danh mục các loài thực vật rừng	lớp	1	90.000	90.000	90.000	90.000		90.000	90.000	90.000								
3.4	Tư vấn xây dựng khung giá các loại rừng và giá cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh	Ha	9,490	650.000	650.000	650.000	650.000		650.000	650.000	650.000								

3.5	Tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng về phòng cháy chữa cháy rừng	lớp	1	64.000	64.000	64.000	64.000	64.000	64.000	64.000	64.000								
3.6	Tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng về ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại về kiểm kê, thống kê rừng, theo đổi diễn biến tài nguyên rừng	lớp	1	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000								
3.7	Đo đạc cắm móc ranh giới rừng xã Long Hòa, xã Hưng Mỹ huyện Châu Thành	Mốc	260	613.345	613.345	613.345	613.345	613.345	613.345	613.345	613.345								

III	PHÁT TRIỂN NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG RỪNG															
	<i>Tại khu vực ngoài khu vực II, III (theo CTPTLNBV 21-25)</i>															
1	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng															
	Rừng phòng hộ	ha														
	<i>Trong đó phòng hộ ven biển</i>	ha	10	3,300.000		3,300.000										3,300.000
2	Trồng cây phân tán	Cây	204.09													6,022.000
3	Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát giống	%	30													
IV	QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG	ha														

